

Số 21/2025/QĐST- HNGĐ

Y, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLST- HNGĐ ngày 06/3/2025 về Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:
 - **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1982
Địa chỉ: xóm 10C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
 - **Bị đơn:** Anh Mai Văn K, sinh năm 1983
Địa chỉ: xóm 10C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Mai văn K.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về con chung:* Chị Trần Thị Thu H và anh Mai Văn K đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Mai Trần Hà V, sinh ngày 11/02/2006, cháu Mai Trần B, sinh ngày 11/9/2014 và cháu Mai Trần Trung D, sinh ngày 24/5/2016. Hiện nay cháu V đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên các bên thống nhất không giải quyết về nuôi con; Đối với cháu B và cháu D, chị H và anh K thống nhất: Giao cháu D cho chị H trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu B cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị H và anh K không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị H và anh K đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ, nên không đề nghị Tòa giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị Thu H và anh Mai Văn K thống nhất thỏa thuận chị H nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0001808 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị H được hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trở lại hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND huyện Y (3).
- CCTHADS huyện Y (1).
- UBND xã K
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

Đã ký

Nguyễn Thị Bích T